

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2018

**BÁO CÁO**

**Về việc thực hiện công tác chuyển tuyến**

*Từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018*

Thực hiện Thông tư 14/2014/TT-BYT ngày 14 tháng 04 năm 2018 của Bộ Y tế quy định việc chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương báo cáo kết quả thực hiện Thông tư chuyển tuyến từ 01/10/2017 đến 30/9/2018 như sau:

**I. Báo cáo tình hình người bệnh nội trú chuyển đi các tuyến**

a) Tình hình người bệnh nội trú tại Bệnh viện chuyển đi các tuyến

Tổng số: 1457 bệnh nhân/15.560 bệnh nhân điều trị nội trú

TT	Tên CS KBCB nhận người bệnh	Chuyên khoa/ Lý do chuyển	Tổng số	Hình thức chuyển		Lý do chuyển		Ghi chú
				2	3	4	5	
<b>A</b>	<b>BV thuộc BYT</b>		<b>568</b>					
1	BV 74 Trung ương	Tiếp tục TD và điều trị Lao, phổi, ...	27		x	x		
2	BV Bạch Mai	Tiếp tục TD và điều trị: Tim mạch, ung bướu, thần kinh, thận, cơ xương khớp, nội tiết,	115		x	x		
3	BV Châm cứu TW	PHCN: Điều trị sau viêm màng não	13		x	x		
4	BV Da liễu TW	Da liễu (bệnh về da/ BN B20, VGC mạn, ...)	11		x	x		
5	BVĐK TW Thái Nguyên	Tiếp tục theo dõi và điều trị BN (NT Ecoli, ...)	6		x	x		
6	BV Hữu Nghị Việt Đức	Tiếp tục TD và xử lý bệnh lý: Ngoại, CTCH, ...	67		x	x		
7	BV HN VN - Cu Ba Đồng Hới	Tiếp tục theo dõi và điều trị (Nhiễm trùng huyết, ...)	7		x	x		
8	BV K	Tiếp tục theo dõi và điều trị ung bướu	93		x	x		
9	BV Lão khoa TW	Tiếp tục theo dõi và điều trị	6		x	x		
10	BV Mắt TW	Mắt	6		x	x		
11	BV Nội tiết TW	Tiếp tục theo dõi và điều trị: ĐTĐ, THA, Basedow, ...	34		x	x		
12	BV Nhi TW	Tiếp tục theo dõi và điều trị	29		x	x		
13	BV Phổi TW	Tiếp tục TD, điều trị Lao, phổi	75		x	x		
14	BV Phụ sản TW	Theo dõi chuyên dạ/ đẻ, dạ	37		x	x		

		sảy thai, ...						
15	BV RHM TW Hà Nội	Điều trị phẫu thuật khít hàm CRNN, sút môi hờ hàm ếch,	6		x	x		
16	BV VN – Thụy Điển Uông Bí	Tiếp tục theo dõi và điều trị	7		x	x		
17	BV YHCT TW	Điều trị PHCN (BN di chứng do viêm não, NKH, ...)	21		x	x		
18	BV Đại học Y Hà Nội	Tiếp tục theo dõi và điều trị	8		x	x		
<b>B</b>	<b>BV thuộc Bộ, ngành</b>		<b>73</b>					
1	Bộ Quốc phòng	Tiếp tục theo dõi và điều trị (BN viêm gan mãn tính, nhiễm khuẩn, viêm phổi, viêm màng não)	19				x	
2	Bộ Công An		24				x	
3	Bộ Xây dựng		5				x	
4	Bộ Thông tin và truyền thông		9				x	
5	Bộ Nông Nghiệp & PTNT		7					
6	Bộ Giao thông vận tải		5					
7	Bộ Công thương		4					
<b>C</b>	<b>BVĐK tỉnh và các BV chuyên khoa (PHCN, Sản, Nhi, ung bướu, tim mạch) tuyển tỉnh, BV tuyển huyện</b>		<b>722</b>					
1	Tp Hà Nội	Tiếp tục theo dõi và điều trị chăm sóc giảm nhẹ và điều trị chuyên khoa	27	x		x		
2	BV Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng		18	x		x		
3	Tỉnh Bắc Giang		29	x		x		
4	Tỉnh Bắc Kạn		5	x		x		
5	Tỉnh Bắc Ninh		32	x		x		
6	Tỉnh Cao Bằng		12	x		x		
7	Tỉnh Điện Biên		9	x		x		
8	Tỉnh Hà Giang		11	x		x		
9	Tỉnh Hà Nam		26	x		x		
10	Tỉnh Hà Tĩnh		29	x		x		
11	Tỉnh Hải Dương		34	x		x		
12	Tỉnh Hòa Bình		28	x		x		
13	Tỉnh Hưng Yên		43	x		x		
14	Tỉnh Lai Châu		14	x		x		
15	Tỉnh Lạng Sơn		19	x		x		
16	Tỉnh Lào Cai		14	x		x		
17	Tỉnh Nam Định		45	x		x		
18	Tỉnh Ninh Bình		26	x		x		
19	Tỉnh Nghệ An		37	x		x		
20	Tỉnh Phú Thọ		21	x		x		
21	Tỉnh Quảng Ninh		31	x		x		
22	Tỉnh Sơn La		39	x		x		
23	Tỉnh Tuyên Quang		14	x		x		
24	Tỉnh Thái Bình		24	x		x		
25	Tỉnh Thái Nguyên		43	x		x		
26	Tỉnh Thanh Hóa		39	x		x		
27	Tỉnh Vĩnh Phúc		28	x		x		
28	Tỉnh Yên Bái		25	x		x		
<b>D</b>	<b>TT Phòng chống lao, HIV/AIDS tại các tỉnh</b>		<b>167</b>					
1	BV Lao Bắc Giang	Chuyên theo dõi và điều trị	6	x		x		

2	TT PC HIV/AIDS Bắc Giang	chăm sóc giảm nhẹ	7	x		x		
3	TT PC HIV/AIDS Bắc Kạn		4	x		x		
4	TT PC HIV/AIDS Bắc Ninh		5	x		x		
5	TT PC HIV/AIDS Cao Bằng		2	x		x		
6	TT PC HIV/AIDS Hà Giang		4	x		x		
7	BV Lao và bệnh phổi Hà Nam		2	x		x		
8	BV Lao phổi Hải Dương		2	x		x		
9	BV Lao phổi Hưng Yên		6	x		x		
10	TT PC HIV/AIDS Lai Châu		3	x		x		
11	BV Lao phổi Nam Định		5	x		x		
12	TT PC HIV/AIDS Ninh Bình		6	x		x		
13	BV Lao phổi Nghệ An		8	x		x		
14	BV Lao Phú Thọ		4	x		x		
15	BV Lao phổi Quảng Ninh		2	x		x		
16	TT PC HIV/AIDS Quảng Ninh		4	x		x		
17	TT PC HIV/AIDS Sơn La		2	x		x		
18	BV Lao phổi Tuyên Quang		4	x		x		
19	TT PC HIV/AIDS T. Quang		4	x		x		
20	TT PC HIV/AIDS Thái Bình		9	x		x		
21	BV Lao phổi Thái Nguyên		2	x		x		
22	TT PC HIV/AIDS T. Nguyên		2	x		x		
23	BV Lao Phổi Thanh Hóa		9	x		x		
24	TT PC HIV/AIDS Thanh Hóa		4	x		x		
25	TT PC HIV/AIDS Vĩnh Phúc		7	x		x		
26	BV phổi Hà Nội		26	x		x		
27	TTYT các quận/ huyện thuộc Tp Hà Nội		25	x		x		
28	BV Lao Kiến An Hải Phòng		3	x		x		

**Ghi chú:**

2: Chuyển người bệnh từ Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương về tuyến dưới.

3: Chuyển người bệnh từ Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong cùng tuyến.

b. Liệt kê các trường hợp cần rút kinh nghiệm về chuyên môn:

TT	Họ tên NB	Địa chỉ	Tuổi/ Giới	Tên CS KBCB nhận NB	Chẩn đoán của BV	Ngày chuyển	Chẩn đoán của nơi chuyển đến	Nội dung chuyên môn cần rút kinh nghiệm	Phản hồi	
									Có	Không
Tổng số: 0 bệnh nhân										

Có 01 Công văn gửi Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phản hồi bệnh nhân chuyển tuyến, tăng cường công tác kiểm soát nhiễm khuẩn tại bệnh viện.

**II. Báo cáo tình hình người bệnh nội trú chuyển đến**

Tổng số: 6415 bệnh nhân/15.560 bệnh nhân điều trị nội trú

a) Các cơ sở KBCB trực thuộc Bộ Y tế chuyển đến Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới

Trung ương

TT	Tên CS KBCB chuyển đến	Số lượng NB	Hình thức chuyển			Lý do chuyển		Kết quả điều trị và xử lý của BV				Ghi chú
			1a	1b	3	4	5	6	7	8	9	
1	BV 74 Trung ương	44			x			30	14			
2	BV Bạch Mai	550			x			410	138	2		
3	BV Da liễu TW	24			x			18	6			
4	BV E	8			x			6	2			
5	BV Hữu Nghị	12			x			12				
6	BV Hữu Nghị Việt Đức	397			x			201	195	1		
7	BV K	374			x			236	138			
8	BV Lão khoa TW	39			x			28	10	1		
9	BV Mắt TW	5			x			5				
10	BV Nội tiết TW	126			x			86	39	1		
11	BV Phổi TW	89			x			70	19			
12	BV Phụ sản TW	147			x			102	45			
13	BV RHM TW Hà Nội	15			x			15				
14	BV Tai mũi họng TW	29			x			29				
15	BV Tuệ Tĩnh	31			x			31				
16	BV VN TĐ Ưông Bí	25			x			19	6			
17	BV VN Cu Ba Đồng Hới	13			x			13				
18	BV Y học cổ truyền TW	47			x			44	2			
19	BVĐK TW Thái Nguyên	32			x			32				
20	Viện Huyết học Truyền máu TW	111			x			77	32	2		
21	Viện KST Sốt rét Côn trùng TW	15			x			15				
22	BV Đại học Y Hà Nội	249			x			181	65	3		
23	BV Đại học Y Hải Phòng	15			x			15				
24	BV Đại học KT Y tế Hải Dương	9			x			9				
	<b>Tổng</b>	<b>1565</b>						<b>1234</b>	<b>312</b>	<b>19</b>		

b) Các cơ sở KBCB trực thuộc Bộ, ngành chuyển đến Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới

Trung ương

TT	Tên CS KBCB chuyển đến	Số lượng NB	Hình thức chuyển			Lý do chuyển		Kết quả điều trị và xử lý của BV				Ghi chú
			1a	1b	3	4	5	6	7	8	9	
1	Bộ Công An	117					x	97	20			
2	Bộ Công thương	6					x	6				
3	Bộ Giao thông vận tải	7					x	7				
4	Bộ Nông nghiệp và PT Nông thôn	49					x	39	10			
5	Bộ Quốc phòng	152						113	39			
6	Bộ Thông tin & Truyền thông	36						36				
7	Bộ Xây dựng	28						24	4			
	<b>Tổng</b>	<b>395</b>						<b>322</b>	<b>73</b>			

c) Các cơ sở KBCB trực thuộc Sở Y tế các tỉnh chuyển đến Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương

TT	Tên CS KBCB chuyển đến	Số lượng NB	Hình thức chuyển			Lý do chuyển		Kết quả điều trị và xử lý của BV				Ghi chú	
			1a	1b	3	4	5	6	7	8	9		
1	Tỉnh Bắc Giang	187	137	50					132	24			
2	Tỉnh Bắc Kạn	21	19	3					18	3			
3	Tỉnh Bắc Ninh	33	3	30					27	6			
4	Tỉnh Bình Định	2		2			2		2				
5	Tỉnh Cao Bằng	14		14					14				
6	Tỉnh Điện Biên	7		7					7				
7	Tỉnh Gia Lai	3		3			3		3				
8	Tỉnh Hà Giang	21		21					17	4			
9	Tỉnh Hà Nam	176		176					144	32			
10	Tỉnh Hà Tĩnh	62	33	29					49	14	1		
11	Tỉnh Hải Dương	149	38	111					120	29			
12	Tỉnh Hòa Bình	45	3	42					38	7			
13	Tỉnh Hưng Yên	132	71	61					116	14	2		
14	Tỉnh Lai Châu	9	9						9				
15	Tỉnh Lạng Sơn	37	4	33					27	10			
16	Tỉnh Lào Cai	41		41					41				
17	Tỉnh Nam Định	263	184	79					179	82	2		
18	Tỉnh Ninh Bình	153	63	90					103	49	1		
19	Tỉnh Nghệ An	47	4	43					39	8			
20	Tỉnh Phú Thọ	63	10	53					49	14			
21	Tỉnh Quảng Ninh	45	6	39					41	4			
22	Tỉnh Sơn La	23	16	17					20	3			
23	Tỉnh Tuyên Quang	44		44					39	5			
24	Tỉnh Thái Bình	97	50	47					75	20	2		
25	Tỉnh Thái Nguyên	58		58					58				
26	Tỉnh Thanh Hóa	167		167					139	27	1		
27	Tỉnh Vĩnh Phúc	87		87					71	16			
28	Tỉnh Yên Bái	85		85					77	8			
29	Tp Hà Nội	1081	709	372					773	306	2		
30	Tp Hải Phòng	96	31	65					71	25			
31	Tỉnh khác	142	15	127					89	51	2		
	<b>Tổng</b>	<b>3390</b>	<b>1390</b>	<b>1869</b>			<b>5</b>		<b>2498</b>	<b>710</b>	<b>11</b>		

d) Các cơ sở KBCB tư nhân thuộc SYT các tỉnh chuyển đến Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương

TT	Tên CS KBCB chuyển đến	Số lượng NB	Hình thức chuyển			Lý do chuyển		Kết quả điều trị và xử lý của BV				Ghi chú	
			1a	1b	3	4	5	6	7	8	9		
1	SYT Hà Nội	171	171					x	171				
2	SYT Thanh Hóa	19	19					x	19				
3	SYT Nghệ An	3	3					x	3				
4	SYT Vĩnh Phúc	7	7					x	7				
5	SYT Phú Thọ	5	5						5				
6	SYT tỉnh khác	19	19						19				

	<b>Tổng</b>	224	224				224			
--	-------------	-----	-----	--	--	--	-----	--	--	--

**Ghi chú:**

- 1a: Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên liền kề (theo trình tự).
- 1b: Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên không qua tuyến liền kề (không theo trình tự).
- 3: Chuyển từ BV cùng tuyến tới BV Bệnh Nhiệt đới TW.
- 4: Chuyển người bệnh đi các tuyến khi đủ điều kiện.
- 5: Chuyển theo yêu cầu của người bệnh hoặc đại diện hợp pháp của người bệnh.
- 6: Tình trạng bệnh thuyên giảm, tiến triển tốt, ra viện (khỏi bệnh, đỡ)
- 7: Tình trạng bệnh không thuyên giảm, nặng lên (không đỡ, nặng hơn).
- 8: Từ vong.
- 9. BV Bệnh Nhiệt đới TW chuyển về cơ sở KBCB nơi gửi người bệnh để tiếp tục điều trị.

**III. Tên 10 nhóm bệnh tuyến dưới chuyển tuyến nhiều nhất:**

STT	Nhóm bệnh/ Hội chứng	Số lượt chuyển tuyến	Tỷ lệ %
1	Viêm gan virus	1372	21,4
2	Xơ gan/ Bệnh gan nhiễm độc, ....	827	12,9
3	Sốt CRNN	713	11,1
4	Viêm phổi	367	5,7
5	Nhiễm khuẩn huyết	353	5,5
6	Viêm màng não, viêm não	231	3,6
7	HIV/AIDS	174	2,7
8	Hội chứng cúm, cúm A, B	167	2,6
9	Sốt xuất huyết	152	2,4
10	Bệnh do ký sinh trùng	78	1,2

(\* Tỷ lệ nhóm bệnh tuyến dưới chuyển tuyến nhiều nhất = số lượt chuyển tuyến của nhóm bệnh / tổng số ca chuyển tuyến của tất cả các BV tuyến dưới chuyển đến.)

**IV. Đánh giá kết quả thực hiện:**

Khó khăn trong thu thập thông tin, phân tích để trả lời một số mục trong mẫu báo cáo do không có số liệu như: báo cáo người bệnh chuyển từ các cơ sở khám chữa bệnh khác đến bệnh viện; hình thức chuyển tuyến (1a, 1b, 2, 3); lý do chuyển (4, 5); thống kê số ca điều trị nội trú, ngoại trú và chuyển tuyến theo từng chuyên khoa.

**V. Đề xuất, kiến nghị:**

- Triển khai quy trình theo dõi, báo cáo về việc chuyển tuyến cho bệnh nhân nội trú và ngoại trú tại bệnh viện.

- Tích hợp thông tin chuyển tuyến vào hệ thống phần mềm đang sử dụng tại bệnh viện. Cần tập huấn thống nhất về việc điền thông tin chuyển tuyến khi tiếp nhận bệnh nhân đến khám, điều trị tại bệnh viện để có kho số liệu đầy đủ trên hệ thống theo dõi của bệnh viện.



- Cần tăng cường phản hồi thông tin chuyển tuyến, có đánh giá, so sánh chẩn đoán của tuyến dưới/ cơ sở khám chữa bệnh cùng tuyến và chẩn đoán khi ra viện nhằm phản hồi, chia sẻ kinh nghiệm, phối hợp điều trị.

- Dựa vào phân bố bệnh nhân chuyển tuyến theo các tỉnh và các nhóm bệnh chuyển tuyến nhiều nhất, cần tăng cường đào tạo các bệnh về nhiễm trùng, viêm gan, sốt và tăng cường hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật, chỉ đạo tuyến các bệnh viện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Hình thành mạng lưới bệnh viện vệ tinh về bệnh truyền nhiễm. Tổ chức họp chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực quản lý về bệnh truyền nhiễm.

- Thiết lập hệ thống trao đổi thông tin chuyển tuyến bằng công nghệ thông tin, đẩy mạnh đào tạo từ xa. Cần số hóa hệ thống dữ liệu bệnh nhân chuyển tuyến, chia sẻ hệ thống bệnh nhân (bao gồm cả bệnh nhân không BHYT), để sử dụng kết quả xét nghiệm, cận lâm sàng giữa các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Trước tình hình một số bệnh truyền nhiễm mới nổi, tái nổi có xu hướng gia tăng, đòi hỏi một số kỹ thuật cao trong chẩn đoán, điều trị. Đề nghị Bộ Y tế phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho phép thanh toán bảo hiểm y tế với một số dịch vụ kỹ thuật cao phục vụ nhu cầu chẩn đoán, điều trị và phòng chống dịch bệnh.

- Xây dựng phác đồ chẩn đoán, điều trị với một số bệnh truyền nhiễm thông nhất trên toàn quốc.

**Nơi nhận:**

- Cục Quản lý Khám, chữa bệnh;
- Lưu: VT, KHTH.



**Nguyễn Văn Kính**